



hòu mén

后门

noun · back door

Example Sentence

Qǐng cóng hòu mén jìn rù chú fáng

请从后门进入厨房。

Please enter the kitchen through the back door.

Trace each character, then write the word on your own.

后	后	后	后	后	后	后	后	后											
门	门	门	门	门	门														